

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 497/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 05 tháng 7 năm 2019



của Tỉnh ủy Khánh Hòa về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 05/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 494/TTr-STNMT-CCBHĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023, văn bản số 4857/STNMT-CCBHĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023, Công văn số 579/STNMT-CCBHĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo Khánh Hòa, Đài PTTH tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TLe, LV. 43

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương trong thực hiện mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ. Xác định cụ thể các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, địa phương đối với việc thực hiện Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai đồng bộ, thống nhất với mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/3/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm

2045; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

a. Mục tiêu tổng quát: Tài nguyên biển và hải đảo của tỉnh được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục vụ phát triển kinh tế – xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế; ô nhiễm môi trường biển được ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu đáng kể; đa dạng sinh học biển, ven biển và hải đảo được bảo vệ, duy trì và phục hồi; các giá trị di sản thiên nhiên, di sản văn hóa biển được bảo tồn và phát huy; tác động của thiên tai được hạn chế thấp nhất có thể, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, hướng tới mục tiêu đưa Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển.

b. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả để phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển theo hướng: (1) Dịch vụ, du lịch biển chất lượng cao; (2) Khu công nghiệp, khu kinh tế biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; (3) Nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, nhất là nuôi biển công nghệ cao, thân thiện với môi trường; (4) Dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng biển, vận tải biển – hàng không; (5) Kinh tế biển – đảo; (6) Thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương.

- Ô nhiễm môi trường biển được kiểm soát, ngăn ngừa và giảm thiểu; các nguồn gây ô nhiễm từ đất liền và trên biển, sự cố môi trường biển, ô nhiễm rác thải nhựa đại dương được quan trắc, kiểm soát và quản lý hiệu quả. Đến năm 2030, giảm thiểu 75% rác thải nhựa trên biển và đại dương; 100% tổng lượng chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị, 95% tại các điểm dân cư nông thôn vùng biển, đảo được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường; 100% các khu công nghiệp và khu đô thị ven biển có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo; Phục hồi và bảo vệ các hệ sinh thái biển đặc trưng của tỉnh như: rạn san hô, rừng ngập mặn, cỏ biển...

- Ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng dựa

vào sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo cùng với năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu và tác động của nước biển dâng được tăng cường.

- Điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học biển và hải đảo cơ bản đáp ứng được yêu cầu của hoạt động khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học biển và hải đảo, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa biển, phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng góp phần phát triển bền vững kinh tế biển.

2. Tầm nhìn đến năm 2050: Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả nhằm đưa Khánh Hòa trở thành một trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước; phần đầu trở thành một trong những đô thị ven biển thu hút khách du lịch và có môi trường đáng sống hàng đầu của Châu Á với hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Môi trường biển, ven biển và cảnh quan thiên nhiên được giữ gìn; là địa phương đi đầu trong việc thực hiện mục tiêu đưa phát thải khí nhà kính về mức “0” của Việt Nam vào năm 2050. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo được giữ vững, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và cuộc sống bình yên của nhân dân; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế – xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

III. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ ĐẾN NĂM 2030

1. Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo

Tài nguyên biển và hải đảo tỉnh Khánh Hòa bao gồm tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật thuộc khối nước biển, đáy biển, lòng đất dưới đáy biển, vùng đất ven biển và quần đảo, đảo, bãi cạn lúc chìm lúc nổi, bãi ngầm thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Khánh Hòa.

a) Phân vùng sử dụng không gian biển:

- Từng bước khắc phục những mâu thuẫn, chông chéo về lợi ích khai thác, sử dụng tài nguyên giữa các sở, ban, ngành và các địa phương ven biển bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và sinh kế của người dân, bảo đảm môi trường biển, các hệ sinh thái biển, ven biển và hải đảo được bảo vệ hiệu quả, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Thực hiện các mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh; khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản và bảo tồn các di sản văn hóa biển.

- Ưu tiên bố trí không gian biển cho các hoạt động sau:

+ Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, gồm: du lịch biển, đảo, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe

và du lịch di sản văn hóa.

+ Phát triển Khu kinh tế Vân Phong trở thành một trung tâm kinh tế biển hiện đại, theo hướng:

Phát triển khu vực Bắc Vân Phong trở thành đô thị du lịch, nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế. Phát triển du lịch biển cao cấp để khai thác giá trị tối đa từ lợi thế về vị trí, cảnh quan của khu vực. Kêu gọi đầu tư các khu nghỉ dưỡng hướng tới phân khúc khách hàng cao cấp, thiết kế hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế về bền vững của ngành du lịch. Xây dựng bến cảng đón tàu chở khách du lịch và du thuyền hạng sang. Phát triển cảng biển và dịch vụ hậu cần cảng. Định hướng lâu dài phát triển cảng trung chuyển quốc tế khi có đủ điều kiện. Thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên du lịch bền vững.

Khu vực Nam Vân Phong trở thành trung tâm công nghiệp gắn với cảng biển, cùng với các dự án khu đô thị, dịch vụ du lịch ven biển. Tập trung thu hút các dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các dự án công nghiệp trọng điểm với các ngành công nghiệp chủ lực như công nghiệp công nghệ cao, năng lượng, chế biến dầu khí, đóng tàu, công nghiệp chế biến, chế tạo, các ngành công nghiệp phụ trợ. Phát triển các cảng hàng hóa gắn với trung tâm logistics tại Nam Vân Phong để phục vụ cho cả khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư tại các cụm, khu công nghiệp; đặc biệt là các nhà đầu tư lớn, có thương hiệu; ưu tiên thu hút các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị gia tăng cao, tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy, nâng cao hiệu quả kinh tế các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã thành lập.

+ Không gian đô thị ven biển được điều chỉnh hợp lý, gắn với phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, miền, địa phương. Đến năm 2030, thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch – logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hòa là đô thị công nghiệp.

+ Phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới thân thiện môi trường.

+ Phát triển ngành thủy sản bền vững, giá trị cao. Phát huy vai trò Trung tâm nghề cá lớn để ngư trường Nam Trung Bộ và Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa phát triển trở thành địa bàn mũi nhọn trong đánh bắt xa bờ và

hậu cần nghề cá của vùng. Phát triển nuôi trồng thủy sản giá trị cao, đặc biệt là nuôi biển công nghệ cao, gắn với chế biến và xây dựng, quảng bá thương hiệu. Phấn đấu đến năm 2030, tổng sản lượng thủy sản đạt 150 – 155 nghìn tấn. Trong đó, sản lượng khai thác thủy sản chiếm 60%, nuôi trồng thủy sản chiếm 40%.

+ Phát triển hệ thống cảng biển Khánh Hòa là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại I, tạo tiền đề để khu bến Vân Phong phát triển thành cảng trung chuyển quốc tế; có bến cảng tổng hợp, container, bến cảng khách quốc tế.

Quy hoạch 04 khu bến thủy nội địa tại các khu vực Vịnh Vân Phong, Đàm Nha Phu, Vịnh Nha Trang và Vịnh Cam Ranh đảm bảo đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách phục vụ phát triển kinh tế – xã hội tỉnh.

Nghiên cứu các khu bến, phao neo phục vụ tàu du lịch sử dụng các dịch vụ du lịch trên biển tại các khu vực Vịnh Nha Trang, Cam Ranh, Vân Phong.

Nghiên cứu xây dựng sân bay cho thủy phi cơ phục vụ du lịch gắn với các cảng khách du lịch tại Vân Phong, Nha Trang và Cam Ranh.

Nghiên cứu định hướng khu vực xây dựng cảng hàng không gắn với phát triển Khu kinh tế Vân Phong và phát triển kinh tế – xã hội (vốn đầu tư ngoài ngân sách).

+ Phát triển hạ tầng hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá phù hợp với quy hoạch của quốc gia; đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Hoàn thiện hạ tầng 02 khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng và 02 khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh.

+ Đẩy mạnh phát triển kinh tế đảo tại các xã đảo: Vạn Thạnh (huyện Vạn Ninh), Ninh Vân (thị xã Ninh Hòa) phù hợp với lợi thế vùng đảo của tỉnh như: du lịch, dịch vụ biển, nuôi trồng và khai thác hải sản... Trong đó, du lịch biển đảo theo hướng sinh thái được xem là ngành kinh tế mũi nhọn, giữ vai trò chủ đạo.

Xây dựng huyện đảo Trường Sa trở thành Trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, khu vực phòng thủ vững chắc, góp phần quan trọng bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Tiếp tục đầu tư, quản lý và khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên chim yến đảo; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tạo ra các sản phẩm có giá trị từ chim yến đảo phục vụ du lịch và sức khỏe cộng đồng.

+ Thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương.

b) Ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh các hoạt động, mô hình khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường, các dự án đáp ứng tiêu chí kinh tế tuần hoàn, phù hợp với trữ lượng tài nguyên và sức chứa sinh thái; hạn chế các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên bằng các công nghệ lạc hậu, hiệu quả thấp, gây tổn hại đến tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học.

c) Tạo bước chuyển biến căn bản trong công tác quản lý tổng hợp tài nguyên biển, tài nguyên vùng bờ thông qua áp dụng các công cụ quy hoạch, kế hoạch, chương trình quản lý tổng hợp, đến năm 2030 cơ bản khắc phục được các mâu thuẫn, chông chéo trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển. Áp dụng các công cụ thuế, phí, cơ chế đấu giá, đấu thầu trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

d) Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định quốc tế về phát triển bền vững của các ngành kinh tế biển, thực thi có hiệu quả các công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, ngăn chặn hiệu quả khai thác thủy sản bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định.

đ) Thúc đẩy hoạt động đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chia sẻ trách nhiệm và quyền hưởng lợi trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo; đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi nghề, đa dạng hóa sinh kế cho cộng đồng; bảo tồn các di sản văn hóa biển bằng các giải pháp chính sách, pháp luật, tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

e) Thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế đảo kết hợp với bảo vệ quốc phòng, an ninh, nhất là các đảo tiền tiêu thông qua các giải pháp ưu đãi về chính sách, pháp luật, tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị.

2. Bảo vệ môi trường biển và hải đảo

a) Thực hiện định kỳ công tác điều tra, thống kê, phân loại, quan trắc và đánh giá các loại hình ô nhiễm, tình trạng ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm môi trường biển.

b) Tăng cường năng lực và chủ động kiểm soát, giám sát, xử lý các vấn đề môi trường biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

c) Ưu tiên nguồn lực từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường để triển khai Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Đến năm 2030, giảm thiểu 75% rác thải nhựa trên biển và đại dương; 100% ngư cụ khai thác thủy sản bị mất hoặc bị vứt bỏ được thu gom, chấm dứt việc thải bỏ ngư cụ trực tiếp xuống biển; 100% các khu, điểm du lịch,

cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch khác ven biển không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy; giảm thiểu 100% rác thải nhựa đối với khu bảo tồn biển trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường năng lực hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Đến năm 2030, hệ thống quan trắc, giám sát tổng hợp được hoàn thiện, hoạt động hiệu quả và được kết nối, tích hợp dữ liệu với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quốc gia.

đ) Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp, thanh tra, kiểm tra, giám sát trong kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo.

3. Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển và hải đảo

a) Bảo vệ, duy trì hệ thống Khu bảo tồn Vịnh Nha Trang, Khu bảo vệ hệ sinh thái biển Rạn Trào; điều tra, khảo sát, đánh giá đề xuất thành lập các khu bảo tồn mới trên các vùng biển, ven biển và hải đảo. Tăng cường công tác bảo tồn đa dạng sinh học ngoài khu bảo tồn; phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển bị suy thoái.

b) Đẩy mạnh điều tra, đánh giá và xác định mức độ dễ bị tổn thương, tính nguy cấp của các loài sinh vật biển đặc hữu, có giá trị khoa học và kinh tế để đưa ra các phương án, giải pháp bảo vệ, bảo tồn và phục hồi.

c) Thiết lập, mở rộng và tăng cường năng lực quản lý các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non sinh sống và đường di cư của các loài thủy sản. Đến năm 2030, 100% các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản được xác định và quản lý hiệu quả.

d) Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, gây nuôi và buôn bán xuyên biên giới các loài sinh vật biển hoang dã thuộc danh mục cần được bảo tồn.

đ) Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; kiểm soát chặt chẽ sự du nhập các giống, loài thủy sản ngoại lai và sự du nhập sinh vật ngoại lai qua hoạt động vận tải biển.

4. Ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

a) Tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo, hệ thống truyền tin cảnh báo sớm rủi ro trên biển và vùng ven biển để chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Đến năm 2030, hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu được hiện đại hóa và được kết nối thông suốt.

b) Nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi của hệ thống tự nhiên và xã hội vùng biển và ven biển trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu; phát

triển mô hình cộng đồng ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu; giám sát tác động của biến đổi khí hậu đến các ngành kinh tế biển và đời sống, sinh kế cộng đồng trên vùng biển và ven biển.

c) Triển khai các giải pháp ứng phó, trong đó có giải pháp ứng phó dựa vào hệ sinh thái và các giải pháp dựa vào tự nhiên thông qua việc bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái biển và ven biển nhằm giảm thiểu thiệt hại do nước biển dâng, xâm nhập mặn, lũ lụt, hạn hán và các tác động liên quan khác đối với vùng biển và ven biển.

d) Chủ động chuẩn bị các phương án, điều kiện phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo phù hợp với từng ngành kinh tế biển, các vùng biển và ven biển.

đ) Rà soát, đổi mới công nghệ và hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo theo hướng giảm thiểu phát thải khí nhà kính theo cam kết của Việt Nam tại COP 26 về đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Phần đầu Khánh Hòa là địa phương đi đầu trong việc thực hiện mục tiêu đưa phát thải khí nhà kính về mức "0" của Việt Nam vào năm 2050.

5. Điều tra cơ bản biển và hải đảo

a) Tiếp tục thực hiện các đề án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản tại Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 05/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Đẩy mạnh điều tra cơ bản kết hợp với nghiên cứu khoa học để phát hiện các loại tài nguyên mới, xác định khả năng phục hồi, chống chịu của hệ sinh thái biển đảo và sức chịu tải môi trường biển, xác định các khu vực có tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển.

c) Điều tra, lập và số hóa hồ sơ tài nguyên hải đảo nhằm mục tiêu khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh trên hải đảo của Khánh Hòa.

6. Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Nghiên cứu, chuyên giao, áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên, các công nghệ chế biến sâu làm tăng giá trị gia tăng của các sản phẩm khai thác, các công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế biển mới.

b) Xác định và củng cố cơ sở khoa học, thực tiễn; nghiên cứu đề xuất các giải pháp, ứng dụng công nghệ đột phá trong điều tra, đánh giá tài nguyên và môi trường biển, hải đảo, đặc biệt ở những vùng biển sâu, biển xa, các dạng tài nguyên mới, tài nguyên tái tạo; nghiên cứu giải pháp cải tạo, phục hồi rừng ngập mặn ven biển (nhằm ứng phó hiện tượng bão, hiện tượng cát bay), nghiên cứu phương án xử lý nước biển, lưu giữ nước ngầm tại các khu vực khan hiếm nước; các công nghệ quan trắc, điều tra ngầm dưới nước, trên không, không người lái.

c) Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn xác định chức năng, phân vùng chức năng các khu vực biển; sức chịu tải của vùng biển trong khai thác, sử dụng tài nguyên.

d) Xây dựng và phát triển công cụ, thiết bị, hệ thống hỗ trợ ra quyết định kiểm soát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; giám sát môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển theo hướng tích cực.

đ) Thúc đẩy, củng cố hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo, kiểm soát các nguồn ô nhiễm, ứng phó sự cố tràn dầu, tràn hóa chất và các sự cố môi trường khác trên các vùng biển của tỉnh.

e) Đẩy mạnh việc xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án hợp tác quốc tế song phương, đa phương về lĩnh vực biển, hải đảo.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo

a) rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; ban hành đầy đủ các cơ chế, chính sách huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để khai thác toàn diện tiềm năng tài nguyên biển của tỉnh; hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong vịnh Nha Trang, vịnh Vân Phong và vịnh Cam Ranh.

b) Xây dựng chính sách khuyến khích phát triển kinh tế xã hội kết hợp bảo vệ quốc phòng, an ninh trên các đảo, đặc biệt là huyện đảo Trường Sa.

c) Kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp về biển của tỉnh bảo đảm hiện đại, đồng bộ; Xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, chuyên môn cao; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương có biển về công tác quản lý nhà nước về tài nguyên biển và hải đảo; hình thành cơ quan điều phối liên ngành chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Kế hoạch.

d) Tăng cường năng lực và tổ chức bộ máy quản lý tổng hợp tài nguyên và

bảo vệ môi trường biển và hải đảo đủ thẩm quyền thực hiện công tác điều phối, phối hợp và giải quyết những mâu thuẫn chồng chéo giữa các sở, ban, ngành và địa phương có biển trong khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

đ) Xây dựng chính sách đầu tư bền vững cho các nhiệm vụ về quản lý tổng hợp biển và hải đảo và đầu tư phát triển các chương trình, dự án và xây dựng công trình kinh tế trọng điểm; xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực biển và hải đảo.

e) Áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên, môi trường biển như lệ phí ô nhiễm, lệ phí xả thải, phí sản phẩm, lệ phí hành chính thuế, các quỹ môi trường biển và các khoản trợ cấp khác theo đúng quy định pháp luật.

2. Phát triển khoa học, công nghệ

a) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, gắn các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với công tác điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển.

b) Ứng dụng các thành tựu khoa học; chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ phục vụ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số trong khai thác, sử dụng tài nguyên biển ít gây tác động môi trường, hạn chế ô nhiễm biển và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng;

c) Đầu tư phát triển trang thiết bị, phương tiện, nguồn nhân lực cho nghiên cứu khoa học, công nghệ hiện đại; tăng cường liên kết, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan nghiên cứu; hình thành các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học biển, khai thác đáy biển sâu, công nghệ vũ trụ, viễn thám trong giám sát biển; thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương với cơ chế đặc thù về hợp tác công tư, nhằm đẩy nhanh tiến trình ứng dụng chuyển giao công nghệ đại dương phục vụ phát triển kinh tế biển và mục tiêu lưỡng dụng, đảm bảo gắn kết chặt chẽ với hoạt động nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng của Viện Hải dương học Nha Trang và Trung tâm trí tuệ toàn cầu tại đô thị mới Cam Lâm.

d) Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp và khối tư nhân, thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư vào công tác phát triển khoa học, công nghệ biển, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chế biến sâu, công nghệ khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, thân thiện môi trường.

3. Chủ động tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về quản lý, nghiên cứu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Đẩy mạnh phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương liên quan, các cơ quan

đại diện Việt Nam ở nước ngoài, tăng cường xúc tiến quan hệ hợp tác với các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, các đối tác, các tổ chức quốc tế và khu vực về quản lý, sử dụng, bảo tồn bền vững tài nguyên và môi trường biển. Đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng vùng biển, ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế biển, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Thực hiện nghiêm túc các điều ước, thỏa thuận khu vực và quốc tế về biển mà Việt Nam đã tham gia.

4. Đẩy mạnh giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực biển

a) Khuyến khích, tạo điều kiện cho các trường trong tỉnh tổ chức đào tạo hoặc liên kết đào tạo các chuyên ngành về biển, đặc biệt là chuyên ngành về quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, từng bước cung ứng đủ nguồn nhân lực cho nghiên cứu, điều tra cơ bản, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

b) Xây dựng và thực hiện đồng bộ các chính sách đãi ngộ, hỗ trợ khuyến khích, thu hút đội ngũ các nhà khoa học, các chuyên gia, cán bộ có chuyên môn, có kinh nghiệm vào làm việc trong các lĩnh vực nghiên cứu, điều tra cơ bản, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, đặc biệt là trong quản lý tổng hợp và thống nhất biển. Nghiên cứu áp dụng các cơ chế ưu tiên, đãi ngộ đặc biệt, bù đắp xứng đáng đối với cán bộ thường xuyên hoặc phần lớn thời gian phải hoạt động trên biển, ngoài các đảo, đặc biệt là các đảo xa, gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển.

c) Tuyển sinh đào tạo các ngành nghề trong lĩnh vực kinh tế biển ở các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu lao động của các ngành kinh tế biển và việc chuyển đổi nghề của người dân.

5. Xây dựng cơ chế tài chính bền vững phục vụ khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển và hải đảo

a) Hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm đa dạng hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, ngoài nguồn từ ngân sách nhà nước, cần đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn đầu tư bao gồm đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài, viện trợ để phục vụ công tác quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Đảm bảo tài chính ổn định và có kế hoạch.

b) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ khai thác, sử dụng tài nguyên và môi trường biển và cơ chế đầu tư trở lại cho điều tra, nghiên cứu về biển, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

c) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, các định mức kinh tế – kỹ thuật đối với các loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực biển và hải đảo. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách để thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công.

d) Đẩy mạnh xây dựng và áp dụng các công cụ kinh tế và chính sách trong quản lý môi trường biển, như: lệ phí ô nhiễm, lệ phí xả thải, phí sử dụng biển, phí sản phẩm, lệ phí hành chính thuế, cấp phép và thu hồi giấy phép khai thác, sử dụng biển, đảo, các quỹ môi trường biển và các khoản trợ cấp khác.

6. Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

a) Thiết lập hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trên nền tảng công nghệ tiên tiến, hiện đại bảo đảm việc nhập, cập nhật, khai thác, chia sẻ dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu biển, đảo của các bộ, ngành, địa phương.

b) Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo mô hình dữ liệu lớn; xây dựng và triển khai ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong quản trị biển thông minh.

c) Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, thiết lập kết nối, chia sẻ dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo giữa các bộ, ngành và địa phương.

d) Xây dựng các công cụ, ứng dụng phân tích khai thác cơ sở dữ liệu lớn, đưa dữ liệu thành các thông tin, hỗ trợ ra quyết định trong công tác quản lý nhà nước về biển và hải đảo, hỗ trợ đơn vị, người dân, doanh nghiệp trong hoạt động khai thác tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, phát triển kinh tế biển và bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

7. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biển, về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

a) Tập trung tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân về biển, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển thông qua các chiến dịch tuyên truyền cao điểm bao gồm Ngày Môi trường thế giới (05/6), Ngày Đại dương thế giới (08/6), Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam (01 – 08/6); thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, triển lãm, chiếu phim, tuyên truyền trực quan, trưng bày....

b) Đẩy mạnh giáo dục pháp luật nhằm nâng cao hiểu biết, từ đó hình thành ý thức bảo vệ môi trường, trồng, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn, ý thức chấp hành pháp luật về biển trong xã hội. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho cộng

đồng dân cư ven biển, trên các đảo về biến đổi khí hậu và kỹ năng thích nghi để sống chung với biến đổi khí hậu. Vận động ngư dân không sử dụng các biện pháp có tính hủy diệt, thiếu bền vững trong khai thác hải sản, không khai thác hải sản trong các vùng cấm, không đánh bắt các loài thủy sinh thuộc danh mục ưu tiên bảo vệ.

c) Các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông có chuyên mục tuyên truyền về tài nguyên thiên nhiên, môi trường và trách nhiệm của người dân trong việc bảo vệ, khai thác, sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, giữ gìn chất lượng môi trường biển; phổ biến kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, kiểm soát, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường biển; nâng cao nhận thức về hợp tác, hội nhập, bảo vệ chủ quyền, tài nguyên, môi trường biển, đảo.

d) Đưa nội dung giáo dục về tài nguyên, môi trường, chủ quyền biển, đảo vào chương trình giảng dạy ở các cấp học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học nhằm cung cấp thông tin, kiến thức cơ bản về biển, tài nguyên và môi trường biển của tỉnh Khánh Hòa và của nước ta, về sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển cho các tầng lớp học sinh, sinh viên. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong tuyên truyền, giáo dục ý thức về khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH: trong Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành; từ nguồn vốn của doanh nghiệp, từ nguồn vốn tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ chế điều phối liên ngành và liên địa phương

Ban chỉ đạo Chiến lược Phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Khánh Hòa được thành lập theo Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 và Quyết định số 1301/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh là cơ quan điều phối liên ngành và liên địa phương cho việc thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch. Đầu mỗi tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ hằng năm báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30/12; tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2025 và đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp

theo.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan xác định các nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nhiệm vụ thu hút các nguồn vốn khác trong và ngoài nước; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công để triển khai, phát huy hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch.

4. Sở Tài chính: trên cơ sở dự toán kinh phí của các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch này, Sở Tài chính tổng hợp cân đối theo khả năng cân đối ngân sách cùng thời điểm xây dựng dự toán hàng năm, báo cáo UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Các Sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan

- Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý theo mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo hằng năm (trước ngày 15/12) và báo cáo sơ kết (năm 2025) gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường; đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý.

6. Các phương tiện thông tin đại chúng và đoàn thể các cấp đẩy mạnh các hoạt động giám sát, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có biển

- Tổ chức xây dựng thực hiện Kế hoạch tại địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

- Chủ trì xây dựng, điều chỉnh, bố trí kinh phí theo quy định về phân cấp ngân sách và thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án theo định hướng, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo hằng năm (trước ngày 15/12) và báo cáo sơ kết (năm 2025) gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường; đề xuất sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ ưu tiên cho giai đoạn tiếp theo trong phạm vi quyền hạn

của địa phương.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương có phát sinh khó khăn, vướng mắc phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Phụ lục

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHO GIAI ĐOẠN 2021 – 2030

(Kèm theo Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh)

STT	Chương trình, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp chính	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 05/7/2019 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã được phê duyệt tại Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 25/10/2019
II	Hoàn thiện hệ thống pháp luật				
1	Rà soát, đánh giá thực trạng và đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên biển và hải đảo	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có biển	Nhiệm vụ thường xuyên	
III	Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên biển				

	và hải đảo				
2	Nhiệm vụ xây dựng Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ tỉnh Khánh Hòa	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và các địa phương liên quan Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan	Năm 2021 – 2030	Đã được phân công tại Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 25/10/2019
3	Nhiệm vụ Lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và các địa phương liên quan	Năm 2021 – 2030	Đã được phân công tại Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 25/10/2019
4	Thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND huyện Trường Sa	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã được phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023
5	Đề án xây dựng huyện đảo Trường Sa trở thành Trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành liên quan; UBND huyện Trường Sa	Đề án trình Trung ương trong năm 2024	Đã được phân công tại Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh. Thời gian phê

					duyet Đề án phụ thuộc vào Trung ương.
6	Thực hiện hiệu quả Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã được phê duyệt tại Kế hoạch số 10823/KH-UBND ngày 28/10/2021
7	Kế hoạch triển khai Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	
8	Đề án thí điểm phát triển nuôi biển công nghệ cao tại Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Đề án trình Trung ương trong năm 2024	Thời gian phê duyệt Đề án phụ thuộc vào Trung ương
9	Triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, góp phần gỡ bỏ “thẻ vàng của Ủy ban Châu Âu đối với ngành thủy sản Việt Nam	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	
10	Phát triển các ngành công nghiệp ven biển có trọng tâm, trọng điểm và thân thiện với môi trường	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	

11	Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, gồm du lịch biển, đảo, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe và du lịch di sản văn hóa	Sở Du lịch	Các sở, ban, ngành; Hiệp hội Du lịch và các địa phương có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã được phê duyệt tại Kế hoạch số 12148/KH-UBND ngày 29/11/2021
12	Tham mưu đẩy mạnh phát triển hệ thống cảng biển xanh, phát triển mạng lưới giao thông theo quy hoạch	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành; các địa phương và tổ chức, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	
13	Tham mưu UBND tỉnh phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành liên quan thiết lập các khu vực biển đặc biệt nhạy cảm, dự báo và đề xuất các giải pháp thích ứng với những thay đổi về tuyến hàng hải	Sở Giao thông vận tải	Cảng vụ Hàng hải Nha Trang; Các sở, ban, ngành; các địa phương và tổ chức, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên. Theo yêu cầu, đề nghị của Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành liên quan	
14	Phát triển các đô thị thông minh đô thị xanh, đô thị sinh thái ven biển gắn với hình thành các trung tâm kinh tế biển mạnh và thực hiện tốt hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật thông minh cho các đô thị ven biển, hải đảo trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Xây dựng	

15	Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025 và các giai đoạn tiếp theo	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	
16	Triển khai thực hiện có hiệu quả Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Triển khai các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp, khu kinh tế Vân Phong	Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã được phê duyệt tại Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023
IV	Bảo vệ môi trường biển và hải đảo				
17	Thực hiện chương trình Quan trắc môi trường tỉnh Khánh Hòa	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ hàng năm	
18	Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động về Quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã được phê duyệt tại Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh
19	Xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Khánh Hòa	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành và các địa phương, tổ chức có liên quan	Năm 2025 – 2026	

20	Đánh giá hiện trạng ô nhiễm rác thải nhựa khu vực Đầm Thủy Triều và thu gom xử lý	UBND huyện Cam Lâm	Các sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Năm 2024 – 2025	
21	Làm sạch môi trường biển ở các vùng nuôi trồng thủy sản, lồng bè trên địa bàn thành phố Cam Ranh	UBND thành phố Cam Ranh	Các sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	
22	Xây dựng khu tái chế, xử lý rác thải nhựa và vỏ sò, ốc, hào, hà, sản phẩm thừa từ hoạt động nuôi trồng thủy sản trên vịnh Cam Ranh tại Bãi chôn lấp chất thải rắn Cam Thịnh Đông	UBND thành phố Cam Ranh	Các sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Năm 2024 - 2030	
23	Tổ chức, chỉ đạo hoạt động phòng, chống tội phạm; phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm trong khai thác tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh trật tự trong quá trình xây dựng và triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; tham gia bảo vệ an ninh quốc phòng, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Công an tỉnh (chủ trì theo chức năng, nhiệm vụ được giao)	Sở Tài nguyên và Môi trường; Các sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	
24	Huy động lực lượng, phương tiện ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển và các sự cố môi trường, thiên tai trên biển, hải đảo	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy	Các sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	

		Bộ đội Biên phòng tỉnh (chủ trì theo chức năng, nhiệm vụ được giao)			
V	Bảo tồn đa dạng sinh học và nguồn lợi biển và hải đảo				
25	Bảo tồn biển, phục hồi, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái biển, ven biển, ven đảo	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, Các sở, ban, ngành và các địa phương, tổ chức có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	
26	Thực hiện Kế hoạch tổng thể phục hồi vịnh Nha Trang đến năm 2030	UBND Thành phố Nha Trang	Các sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Đã được phê duyệt tại Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 07/11/2022 của UBND tỉnh
VI	Ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng				
27	Trồng rừng ngập mặn trong vịnh Nha Trang và khu vực sông Cái, sông Quán Trường	UBND Thành phố Nha Trang	Các phòng, ban và UBND cấp xã ven biển thuộc thành phố	Nhiệm vụ thường xuyên	

			Nha Trang; Thành Đoàn Nha Trang		
28	Đầu tư hoàn thiện hệ thống đê biển, các công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng theo quy hoạch	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	
VII	Điều tra cơ bản biển và hải đảo				
29	Tham gia và bảo vệ an ninh, an toàn cho các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học và khai thác, sử dụng tài nguyên tại các vùng biển tỉnh Khánh Hòa và lồng ghép hoạt động này vào nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (chủ trì theo chức năng, nhiệm vụ được giao)	Sở Tài nguyên và Môi trường; Các sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	
VIII	Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế				
30	Phối hợp xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình khoa học và công nghệ về biển và hải đảo; Đề án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ định hướng công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong bối cảnh các thách thức mới nổi về an	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ	

	ninh môi trường biển và triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ khác				
31	Triển khai đẩy mạnh mở rộng hợp tác quốc tế về khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo	Sở Ngoại vụ; các sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Các sở, ban, ngành và các tổ chức, đơn vị có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	
32	Đề án thành lập trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng; Các Bộ, ngành trung ương và các Sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị liên quan	Đề án trình Trung ương trong năm 2024	Đề án đang thực hiện theo hình thức nhiệm vụ khoa học công nghệ được UBND tỉnh phê duyệt đề cương đề án theo Quyết định số 1950/QĐ-UBND ngày 17/8/2023. Thời gian phê duyệt Đề án phụ thuộc vào Trung ương.
33	Thực hiện các chính sách về phát triển năng	Sở Công	Các sở, ban, ngành và	Nhiệm vụ	

	lượng mới, năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho phát triển kinh tế biển tỉnh Khánh Hòa; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, chiến lược, giải pháp phát triển điện lực	thương	các địa phương có liên quan	thường xuyên	
34	Số hóa các chỉ số vịnh Nha Trang	UBND thành phố Nha Trang	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường	Nhiệm vụ thường xuyên	
IX	Tuyên truyền, giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực				
35	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức của nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về biển và hải đảo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nước ta trên Biển Đông, về tiềm năng, lợi thế và sự nghiệp phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan, đơn vị	Cơ quan báo chí của tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở; Các sở, ban, ngành và các địa phương có liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	
36	Nâng cao tuyển sinh và chất lượng đào tạo các ngành nghề trong lĩnh vực kinh tế biển ở các cấp trình độ giáo dục nghề nghiệp nhằm phát triển nguồn nhân lực biển	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo; các địa phương; Các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp	Nhiệm vụ thường xuyên	

